

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học trái đất – mỏ ; Chuyên ngành: Khoa học môi trường

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI TÁ LONG

2. Ngày tháng năm sinh: 12/04/1962 ; Nam  Nữ  Quốc tịch: Việt Nam ;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 212/106 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 212/106 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: (028) 38358490; Điện thoại di động: 0918017376; E-mail: longbt62@hcmut.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 7/1989 đến tháng, năm: 12/2005, Nghiên cứu viên chính, Viện Cơ học Ứng dụng (nay là Viện cơ học và tin học ứng dụng), Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam.

Từ tháng, năm: 1/2006 đến tháng, năm: 7/2013, Giảng viên chính, Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Từ tháng, năm: 8/2013 đến nay, tháng 6/2022: Giảng viên cao cấp, Trường Đại học Bách  
khoa - Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng Mô hình hóa môi trường, Khoa Môi trường và Tài  
nguyên, Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Tp.HCM; Chức vụ cao nhất đã qua: viện  
trưởng Viện cơ học ứng dụng (9/2018 – 3/2002)

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Địa chỉ cơ quan: 268 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, Tp. HCM

Điện thoại cơ quan: 028.38647256

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Đại học Khoa học Huế (2003 – 2018)
- Đại học Bách Khoa Đà Nẵng (2011 – 2015)
- Đại học Công nghệ Tp. HCM (Hutech) (2001 – 2020)
- Đại học Duy Tân (DTU) (2017 – 2020)
- Đại học Sư phạm Đà Nẵng (2021 – nay)
- Viện Môi trường và Tài nguyên (2006 – 2013)

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn  
nộp hồ sơ):

- Đại học công nghệ Tp. HCM (Hutech)
- Đại học Duy Tân, Đà Nẵng
- Đại học Sư phạm Đà Nẵng

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 6 năm 1985; số văn bằng: G-1, N<sup>o</sup>: 478149; ngành:  
toán cơ, chuyên ngành: toán; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Tổng hợp  
Matxcova, Liên Xô.

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....;  
chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): .....

- Được cấp bằng TS (PTS) ngày 15 tháng 3 năm 1989; số văn bằng: KD N<sup>o</sup>:007835;  
ngành: vật lý toán; chuyên ngành: toán; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Tổng  
hợp Matxcova, Liên Xô.

- Được cấp bằng TSKH (TS) ngày 10 tháng 7 năm 1998; số văn bằng: ĐK N<sup>o</sup>: 012850;  
ngành: vật lý toán; chuyên ngành: Toán ; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Viện kỹ  
thuật vô tuyến và điện tử, Viện hàn lâm khoa học Nga, Liên bang Nga.



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

								<b>chuẩn định mức</b> (*)
1	2016-2017	1	2	2	0	120	320	440/629.5/216
2	2017-2018	1	2	7	7	110	255	365/886.5/216
3	2018-2019	1	2	0	7	170	165	335/824.5/216
03 năm học cuối								
4	2019-2020	0	1	4	1	112.5	52.5	165/245.9/216
5	2020-2021	0	1	0	6	105	52.5	157.5/219.4/216
6	2021-2022	0	1	0	4	133.5	52.5	186/243.52/216

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Nga, Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: Liên Xô; Từ năm 1980 đến năm 1985.

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án PTS  tại nước: Liên Xô năm 1989;  TS ; tại nước: LB Nga năm 1998.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh văn

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Văn phòng Đào tạo Quốc tế (Office for International Study Programs – OISP), Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		2013 - 2018	Viện Môi trường và Tài nguyên	09/05/2018
2	Mai Thị Thu Thảo	<input checked="" type="checkbox"/>			<input checked="" type="checkbox"/>	2009 - 2018	Viện Môi trường và Tài nguyên	17/7/2018

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Hệ thống thông tin môi trường	GT	ĐHQG Tp.HCM 2006, QĐ: 81/QĐ-ĐHQGTp HCM	1	Bùi Tá Long	Toàn bộ	109/BXB 2005 ngày 19/12/2005
2	Mô hình hóa môi trường	GT	ĐHQG Tp.HCM 2008 Tái bản 2011 QĐ:211/QĐ-ĐHQGTp HCM	1	Bùi Tá Long	Toàn bộ	142/QĐ-VMT&TN-GT ngày 7/11/2012
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Bài tập Mô hình hóa môi trường	GT	ĐHQG Tp.HCM 2015 ISBN: 978-604-73-3507-7	1	Bùi Tá Long	Toàn bộ	80/QĐ-VMT&TN-GT ngày 18/9/2015
2							

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

**Lưu ý:**

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS (2 đề tài)				
1	ĐT: Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý số liệu chất thải rắn đô thị tại Tp.HCM	CN	B2006-24-05, Đại học Quốc gia Tp. HCM	7/2006 – 12/2007	Đạt
2	ĐT: Xây dựng trang Web cùng với kỹ thuật phần mềm tính toán ô nhiễm không khí trực tuyến phục vụ công tác giảng dạy sinh viên môi trường	CN	B2008-24-02 Đại học Quốc gia Tp. HCM	7/2008 – 5/2009	Đạt
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
3	ĐT: Xây dựng phần mềm quản lý tổng hợp số liệu quan trắc chất lượng nước mặt lưu vực hệ thống sông Đồng Nai dựa trên	CN	B2009-24-05 Đại học Quốc gia Tp. HCM	2/2009 – 2/2010	Đạt
4	ĐT: Xây dựng mô hình quản lý phát thải môi trường không khí khu công nghiệp trên nền công nghệ WbGIS (TISAP)	CN	B2010-24-07	9/2010 – 9/2011	Đạt
5	ĐT: Nghiên cứu xác định một số qui luật tự làm sạch của hệ thống kênh sông đô	CN	B2011-24-07	12/2011 – 12/2012	Đạt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	thị trên ví dụ sông Sài Gòn		Đại học Quốc gia Tp. HCM		
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu và tính toán phát thải khí từ các bãi chôn lấp ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	CN	B2019-20b-01 Đại học Quốc gia Tp. HCM	6/2019 – 6/2021	Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TSKH							
	<i>Bài báo đăng trong Tạp chí khoa học trong nước (15), 2008 - 1997</i>							
1	Xây dựng mô hình giám sát chất lượng không khí cho các nhà máy công nghiệp - nhà máy xi măng LUKS Thừa Thiên Huế làm ví dụ nghiên cứu.	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 573, No. 9, pp. 35–44.	9/2008
2	Xây dựng công cụ tích hợp đánh giá ô nhiễm không khí từ các nguồn điểm tại các khu công nghiệp.	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 561, No. 9, pp. 21–27.	9/2007
3	Ứng dụng GIS trợ giúp công tác quản lý chất thải rắn tại các đô thị, thành phố Việt Nam.	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 557, No. 5, pp. 34–43.	5/2007

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4	Xây dựng công cụ hỗ trợ thông qua quyết định cho công tác quản lý và giám sát ô nhiễm không khí.	3	X	Tạp chí phát triển KH&CN, ISSN:1859 - 0128			Vol. 9, pp. 61-69	2006
5	Xây dựng công cụ tin học hỗ trợ đánh giá chất lượng nước bằng phương pháp chỉ thị sinh học	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 538, No. 10, pp. 35-44.	10/2005
6	Xây dựng hệ thống thông tin môi trường trong quản lý môi trường cấp tỉnh, thành phố.	4	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 533, No. 5, pp. 23-31.	5/2005
7	Ứng dụng tin học môi trường trong phân tích ô nhiễm tại khu công nghiệp Hòa Khánh, Tp. Đà Nẵng	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			vol. 527, no. 11, pp. 12-24, 2004.	2004
8	Xây dựng phần mềm INSEM hỗ trợ công tác giám sát chất lượng môi trường cho các tỉnh thành Việt Nam.	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 517, No. 1, pp. 10-19.	1/2004
9	Xây dựng công cụ tích hợp trợ giúp công tác giám sát ô nhiễm không khí vùng kinh tế trọng điểm.	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 514, No. 10, pp. 29-36.	10/2003
10	Ứng dụng GIS trong quản lý môi trường không khí bị ô nhiễm do giao thông.	4	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 476, No. 8, pp. 14-22.	8/2000



11	Phân tích và dự báo ô nhiễm môi trường trong trường hợp tai biến bởi tác nhân hóa học độc hại	1	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 467, No. 11, pp. 28–35.	11/1999
12	Ứng dụng công nghệ GIS trong mô phỏng môi trường	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 468, No. 12, pp. 34–41.	12/1999
13	Xây dựng công cụ tin học đánh giá tác động yếu tố con người lên môi trường không khí	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 467, No. 11, pp. 21–26.	11/1999
14	Phần mềm trợ giúp công tác quản lý, qui hoạch và đánh giá tác động môi trường	1	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 446, No. 2, pp. 24–28.	2/1998
15	Mô hình mô phỏng quá trình lan truyền và khuếch tán chất bẩn trong bài toán thiết lập hệ thống quan trắc nhiệm bẩn môi trường khí	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 442, No. 10, pp. 38 – 47.	10/1997
<i>Bài báo đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (5)</i>								
16	Application of GIS and dispersion model for air quality evaluating for industrial activities in Thi Vai basin,” in GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences	3	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2008). ISBN: 978-4-901668-37-8			pp. 127 - 132	12/2008

17	Developing environmental information system using WEBGIS technology of a case study in the Can Tho city, Vietnam	3	X	Proceedings of 28th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61567-365-0			Vol. 1/3, pp. 351 - 356	11/2007
18	Building up a tool for integrated coastal management in Da Nang city," in GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2006).	3	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2006). Bắt đầu từ 2008 mới có ISBN			pp. 1-7.	2006
19	Building up air pollution prediction model in Ho Chi Minh city using GIS and neural network technology	4	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2006). Bắt đầu từ 2008 mới có ISBN			pp. 163-168.	2006
20	Integration of GIS, Web technology and model for monitoring surface water quality of basin river: a case study of Huong river.	4	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2004). Bắt đầu từ 2008 mới có ISBN			299-304.	2004

II		Sau khi được công nhận PGS/TS, 2022 - 2010						
<p><i>Bài báo khoa học tiếng Anh trong các Tạp chí khoa học (13), trong đó ISI/Scopus (9), Scopus (1)</i></p>								
21	Assessing marine environmental carrying capacity in semi-enclosed coastal areas — Models and related databases	2	x	Science of the Total Environment ISSN:0048 - 9697	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 7.963, CiteScore: 14.1 H-Index: 275		838 (2022) 156043	2022
22	Coastal erosion trend analysis using a combination of remote sensing and hydrodynamic models: Case study of Ca Mau Cape, Mekong Delta	2	x	Remote Sensing Applications: Society and Environment ISSN: 23529385	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 3.371, CiteScore: 5.0 H-Index: 27		Volume 26, April 2022, 100734	2022
23	A web based methane emissions modelling platform: Models and software development	3	x	Waste Management 0956-053X ISSN	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 7.145, CiteScore: 13.5 H-Index: 182		Volume 134, October 2021, Pages 120-135	2021
24	Linking air quality, health, and economic effect models for use in air pollution epidemiology studies with uncertain factors	3	X	Atmospheric pollution research ISSN: 1309 - 1042	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 4.352 CiteScore: 5.8 H-Index: 45		vol. 12, no. 7, p. 101118	2021
25	Methane emission quantification from municipal waste landfills : models and computer software — a case study of Long An	3	X	Environmental Science and Pollution Research ISSN: 1614-7499	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 4.223 CiteScore: 5.50 H-Index: 113		no. 7, pp. 1–23.	2021
26	Modelling bank erosion dependence on	2	X	Environmental Technology & Innovation	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 5.263		vol. 19, p. 100975.	2020

	natural and anthropogenic factors — case study of Ganh Hao estuary , Bac Lieu - Ca Mau			ISSN:2352 - 1864	CiteScore: 4.5 H-Index:28			
27	Model for assessing health damage from air pollution in quarrying area – Case study at Tan Uyen quarry, Ho Chi Minh megapolis, Vietnam,	3	X	Helyion ISSN:2405-8440	ISI/Scopus, ESCI, Q1, IF: 2.85 CiteScore: 2.1 H-Index: 28		Vol. 6, no. 9, p. e05045.	2020
28	Integrated model for methane emission and dispersion assessment from land fills : A case study of Ho Chi Minh City , Vietnam	2	X	Science of the Total Environment ISSN:0048 - 9697	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 7.963, CiteScore: 10.5 H-Index: 244		Vol. 738, p. 139865	10/2020
29	Inverse algorithm for Streeter–Phelps equation in water pollution control problem	1	X	Mathematics and Computers in Simulation ISSN: 0378-4754	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 2.463, CiteScore: 4 H-Index: 77		Vol. 171, Pp. 119-126	5/2020
30	Application of Mike/Swat for simulation the salt intrusion – a case study in Ve river, Quang Ngai province	2	X	Lowland Technology International ISSN:1344 - 9656	Scopus journal		Vol. 22, no. 1, pp. 258–267	9/2020
31	Linking hydrological, hydrodynamic models for saline intrusion assessment – applying for Ve river estuary as a case study.	2	x	Vietnam J. Hydrometeorology.			Vol. 9, 2021, pp. 87 – 101.	9/2021

32	Prediction of potential for greenhouse gas mitigation and power recovery from a municipal solid waste landfill case in Tien Giang province, Vietnam.	2	X	Vietnam J. Hydrometeorol.,			Vol. 7, No. 1, pp. 32–52.	4/2021
33	Application of the Bessel function to compute the air pollutant with the stratification of the atmospheric	3	X	Science And Technology Development Journal ISSN: 1859-0128			Vol. 18, No. K4, pp. 14 - 20	2015
<i>Bài báo khoa học tiếng Việt trong các Tạp chí khoa học (18)</i>								
34	Đánh giá diễn biến đường bờ và xu thế bồi – xói khu vực bờ biển Cửa Đại – Hội An, tỉnh Quảng Nam	3	x	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 736 (1), 41-53;	2022
35	Đánh giá hiện trạng phân bố và sự biến động theo mùa mức độ ô nhiễm PM2.5 tại vùng Tứ Giác Long Xuyên, Việt Nam	4	x	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 736 (1), 54-74;	2022
36	Mô phỏng sự phụ thuộc xâm nhập mặn và các yếu tố thủy văn bằng MIKE 3 - Trường hợp cửa sông Vệ, Quảng Ngãi	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 725, No. 5, pp. 1–16.	4/2021
37	Ứng dụng WRF/CMAQ mô phỏng ô nhiễm PM10 từ hoạt động giao thông-Trường hợp Tp. Hồ Chí Minh	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 724, No. 4, pp. 30–45.	4/2021

38	Mô phỏng lan truyền nhiệt bằng mô hình toán ba chiều – trường hợp nhà máy nhiệt điện tại vùng biển Đê - Gi, Bình Định	4	X	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Kỹ thuật và Công nghệ,			Vol. 2, No. 2, pp.122-129	2019
39	Nghiên cứu ứng dụng mô hình hoá tính toán ô nhiễm không khí cho nguồn thải đường và thể tích - trường hợp áp dụng tại mỏ khai thác đá tỉnh Bình Dương	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 703, No. 7, pp. 1–15.	7/2019
40	Ứng dụng mô hình diễn toán SWAT/NAM/MIKE xây dựng bộ thông số thủy văn và thủy lực phục vụ cho tính toán dòng chảy - trường hợp sông Vệ, Quảng Ngãi,	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 702, no. 6, pp. 1–12.	2019
41	Mô hình hóa ô nhiễm không khí trong điều kiện địa hình phức tạp - Trường hợp nguồn thải điểm	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 700, No. 4, pp. 34–45.	4/2019
42	Xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu lưu vực Srepok vùng Tây Nguyên bằng phương pháp chi tiết hóa thống kê dưới sự hỗ trợ của công cụ SDSM	7		Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 666 No.9, pp. 7 - 15	9/2016
43	Nghiên cứu xây dựng hệ số phát thải các khí ô nhiễm từ bãi chôn	3		Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ.			Vol. 18, M2, pp.115-125	2015

	lắp chất thải rắn sinh hoạt (CH <sub>4</sub> , H <sub>2</sub> S, NH <sub>3</sub> , Methyl Mercaptan)			ISSN:1859-0128				
44	Xây dựng chỉ số an ninh sinh kế bền vững (SLSI) phục vụ đánh giá mức độ phát triển bền vững tại tỉnh Bình Thuận	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 655, No. 7, pp. 47–51.	7/2015
45	Ứng dụng mô hình CLIM trong đánh giá khả năng chịu tải của sông Cái, Nha Trang,	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 647, No. 11, pp. 52–56.	11/2014
46	Xây dựng bản đồ phân vùng chất lượng nước mặt - trường hợp tỉnh Bình Dương	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ. ISSN:0866 – 708X			vol. 52, no. 4C, pp. 37–46,	2014
47	Đánh giá chất lượng môi trường không khí thành phố Hà Nội theo chỉ số chất lượng không khí	4		Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 638, No. 2, pp. 43–49.	2/2014
48	Xác định khả năng tự làm sạch hệ thống kênh, sông lấy sông Sài gòn làm ví dụ nghiên cứu,	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 626, No. 2, pp. 1–9.	2/2103
49	Ứng dụng Mike11 mô phỏng chất lượng nước sông Ba, Gia Lai theo các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 628, No. 4, pp. 52–58,	4/2013
50	Ứng dụng chỉ số an ninh sinh kế bền vững đánh giá sự phát triển bền	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ. ISSN:0866 – 708X			Vol. 50, No. 4A, pp. 1–9.	2012

	vững tại thành phố Hồ Chí Minh,						
51	Xây dựng mô hình tích hợp hỗ trợ đánh giá diễn biến chất lượng nước sông Sài Gòn	4	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744		Vol. 621, No. 9, pp. 13–22.	9/2012
52	Ứng dụng mô hình diễn toán đánh giá tỷ lệ gây ô nhiễm của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744		Vol. 620, No. 8, pp. 6–14.	8/2012
53	Ứng dụng mô hình kinh tế - sinh thái quản lý nuôi trồng thủy sản theo định hướng phát triển bền vững.	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744		Vol. 619, No. 7, pp. 16–23.	7/2012
54	Ứng dụng mô hình Mike 11 đánh giá diễn biến chất lượng nước sông Truồi, Thừa Thiên Huế	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744		Vol. 616, No. 4, pp. 32–38.	4/2012
55	Xây dựng hệ thống tích hợp đánh giá ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông đường bộ tại Huế	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ISSN:0866 – 708X		Vol. 49, no. 5C, pp. 333–342,	2011
56	Phương pháp tính toán thiệt hại về kinh tế và môi trường đối với một lưu vực sông bị ô nhiễm - trường hợp điển hình: lưu vực sông Thị Vải,	3	X	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ. ISSN:1859-0128		vol. 14, no. M1, pp. 5–13.	2011
57	Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý và chia sẻ thông tin chất lượng môi trường nước – lấy	3	X	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ.		TẬP 14, SỐ M1, pp. 18 - 31	2011



	lưu vực hệ thống sông Đồng Nai làm ví dụ nghiên cứu			ISSN:1859-0128				
Bài báo trong kỷ yếu hội nghị quốc tế có uy tín và có ISBN (19)								
58	Energy recovery from municipal solid waste landfill for a sustainable circular economy in Danang City, Vietnam. IOP conference series: Earth Environmental Science (EES)			IOP Conf. Ser. Earth Environ. Sci. (EES) ISSN: 1755 – 1307; E-ISSN: 1755 - 1315	Scopus, CiteScore 2022:0.5; SJR:0.179; SNIP 2021 Doi: <a href="https://doi.org/10.1088/1755-1315/964/1/012015">10.1088/1755-1315/964/1/012015</a>		Vol. 964, No. 1, pp.	2022
59	Reaeration and dispersion coefficients prediction for a river flow by implementing machine learning algorithm on MIKE dataset.	2	x	Proceedings of The 13th International Conference on Computer Modeling and Simulation (ICCMS - 2021). Pages 17–22, June 2021.	Ei Compendex Scopus ISBN: 978-1-4503-8979-2 DOI:10.1145/3474963.3474966			2021
60	Environmental capacity assessment for Amoni and TSS in Dung Quat bay, Viet Nam,	3	X	IOP Conf. Ser. Earth Environ. Sci. (EES) ISSN: 1755 – 1307; E-ISSN: 1755 - 1315	Scopus, CiteScore 2020:0.5; SJR:0.179; SNIP 2020: 0.436 doi:10.1088/1755-1315/344/1/012047		Vol. 344, No. 1, pp.	2019
61	Application of Mike11 and remote sensing in simulating flood – a case Application of Mike11 and remote sensing in simulating flood – a case study in Tra Khuc River ,	2	X	IOP Conf. Ser. Earth Environ. Sci. (EES) ISSN: 1755 – 1307; E-ISSN: 1755 - 1315	Scopus, CiteScore 2020:0.5; SJR:0.179; SNIP 2020: 0.436		Vol. 344, No. 1, pp. 1–8.	2019

	Quang Ngai Province						
62	Application of landsat imagery for the interpretation of surface water quality – a case study of devong – Co Co river, Quang Nam.	3	X	Proceedings of 42th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61839-497-2			2021
63	Application of remote sensing to assess changes in shoreline and level of riverbed under the pressure of sand mining activities	4	X	Proceedings of 40th Asian Conference on Remote Sensing. ISBN: 978-1-7138-0326-3		Vol. 2/4, pp. 1000–1010.	2019
64	Spatial Mapping Of Agricultural Green House Gas Emission For Implementing Paris Agreement On Climate Change In Vietnam,	5	X	Proceedings of 40th Asian Conference on Remote Sensing. ISBN: 978-1-7138-0326-3		Vol. 4/4 Pp. 2602 - 2611	2019
65	Calculating green house gas emissions (CH4, N2O, CO2) released from agriculture - a case study in Dong Thap province	4	X	Proceedings of 39th Asian Conference on Remote Sensing: Remote Sensing Enabling Prosperity, ACRS 2018 ISBN: 978-1-5108-7966-9		Vol. 2/5, pp. 645–657.	10/2018
66	Building the information system for evaluating, adapting, and minimizing the	3	X	Proceedings of 38th Asian Conference on Remote Sensing - Space		Vol. 3/4, pp. 2071–2077.	10/2017

	impact of climate change to Phu Yen province, Vietnam			Applications: Touching Human Lives, ACRS 2017, ISBN: 978-1-5108-5684-4			
67	Application of Swat model to assess the impact of land use changes on Dau tieng reservoir discharge	3	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2016). ISBN:978-604-76-1171-3.			7 trang 2016
68	Changes in water quality at bung river basin, Quang Nam after the dam construction	2	X	Proceedings of 36th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-5108-1721-0			Vol. 2/2, pp. 789–795. 10/2015
69	Applying Recurrent Fuzzy Neural Network to Predict the Runoff of Srepok River	4		Proceedings of Computer Information Systems and Industrial Management 13th IFIP TC8 International Conference, CISIM 2014. ISSN: 0302-9743	Scopus, Q3, H-Index: 400.		No. i, pp. 55–66 2014
70	Building information system serving adaptation, mitigation and impact assessment the climate change for national level,	4	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS			Pp. 337–342 2014

				- IDEAS 2014)				
71	Using SWAT model and GIS to assess the relationships of land use change and water discharge in Srepok watershed, central highland Viet Nam,	5		Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2014)			Pp. 124–129	2014
72	Retrospective assessment of zoobenthos - Van phong bay, Khanh Hoa province as a case of study,	2	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2014)			pp. 330–336.	2014
73	Assessment of climate change trends at Long Xuyen quadrangle using remote sensing image.	3	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2014)			pp. 344–348.	2014
74	Application of GIS and modeling to assess the impact of environmental pollution due to dust in the quarrying area	4	X	Proceedings of 34th Asian Conference on Remote Sensing ISBN:978-1-62993-910-0			Vol. 5/5, pp.4144 - 4151	10/2013
75	Assessment the impacts of land use and climate change on water discharge of Srepok river	3	X	Proceedings of 34th Asian Conference on Remote Sensing			Vol. 4/5, pp. 3091–3098.	10/2013

	watershed, Vietnam			ISBN:978-1-62993-910-0				
76	Pollution evaluation in streams using water quality indices - A case study from Sai gon basin,	3	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2012).			pp. 387-390	2012
77	Building integrated assessment tool for damage caused by oil spill on Vietnam's coast	2	X	Proceedings of 30th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61839-497-2			Pp. 175 - 180	2011
78	Applying webgis in management and sharing water quality information of the Dong Nai river system, Vietnam,	2	X	Proceedings of 30th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61567-984-3			Vol. 2/3, pp. 802-807.	10/2009
79	Building up a integrated tool by using E-manifest, E-card and GIS technology for management hazardous solid waste in Ho Chi Minh city	4	X	Proceedings of 30th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61567-984-3			Vol. 2/3, pp. 669-674.	10/2009
<i>Bài báo đăng trong kỷ yếu Hội nghị chuyên ngành cấp Quốc gia (11)</i>								
80	Tiềm năng giảm thiểu phát thải khí methane và thu hồi năng lượng từ bãi chôn lấp chất thải rắn đô thị - một trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Bình Dương, Việt Nam	3	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2020 ISBN: 978-604-60-3259-5.			Pp. 381-391	2020

81	Đánh giá hồi cố rủi ro cô biển, trường hợp nghiên cứu vịnh Vân Phong.	2	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2017 ISBN:978-604-913-652-8			Pp. 713–721	2017
82	Dự báo nhu cầu tưới nước cho cây trồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu lưu vực Srepok - vùng Tây Nguyên	3	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2017 ISBN:978-604-913-652-8			Pp.62 - 70	2017
83	Ứng dụng WebGIS trong quản lý môi trường cấp huyện, thị xã trường hợp thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	3	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2016 ISBN:978-604-912-659-8			Pp. 892–900	2016
84	Mô phỏng ô nhiễm giao thông tại khu vực Trường đại học Bách Khoa Tp.HCM bằng công cụ AERMOD và ARCGIS	3	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2016 ISBN:978-604-912-659-8			Pp. 382–391.	2016
85	Xây dựng mô hình WebGIS quản lý tài nguyên và môi trường nước vùng tứ giác Long Xuyên	3	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2015 ISBN:978-604-82-1619-1			Pp. 101 - 105	2015
86	Ứng dụng tư liệu viễn thám và GIS xây dựng bản đồ thảm phủ lưu vực Srepok - Cao nguyên Việt Nam	4		Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2015 ISBN:978-604-82-1619-1			Pp.410 - 415	2015

87	Đánh giá tác động của thay đổi thảm phủ rừng đến dòng chảy trên lưu vực sông Srepok sử dụng GIS và mô hình SWAT	4		Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2014 ISBN: 978-604-80-0917-5			Pp. 216 - 226	2014
88	Ứng dụng mô hình và GIS đánh giá tác động ô nhiễm bụi tại khu vực khai thác đá tập trung	4	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2014 ISBN: 978-604-80-0917-5			Pp. 68 – 78	2014
89	Xây dựng phần mềm quảng bá du lịch sinh thái - trường hợp áp dụng tỉnh Tây Ninh.	4	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2013. ISBN:978-604-924-039-3			Pp. 140–149.	2013
90	Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm hỗ trợ công tác ứng phó lũ lụt tại Quảng Nam dựa trên công nghệ WebGIS	6	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2011			Pp. 213 - 222	2011

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 9

1. Bui Ta Long. 2020. Inverse algorithm for Streeter–Phelps equation in water pollution control problem. Mathematics and Computers in Simulation, vol. 171, Pp. 119-126. ISSN: 0378-4754, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 2.463, CiteScore: 4, H-Index: 77
2. Long Bui Ta, Phong Hoang Nguyen, 2020. Integrated model for methane emission and dispersion assessment from land fills : A case study of Ho Chi Minh City , Vietnam. Science of the Total Environment, Vol. 738, p. 139865, ISSN:0048 – 9697, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 7.963, H-Index: 275, CiteScore: 10.5.
3. Long Bui Ta, Phong Hoang Nguyen, Duyen Nguyen Chau My, 2021. Linking air quality, health, and economic effect models for use in air pollution epidemiology studies with uncertain factors. Atmospheric pollution research, vol. 12, no. 7, p. 101118, ISSN: 1309 – 1042, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 4.352, CiteScore: 5.8, H-Index: 45.
4. Long Bui Ta, Phong Hoang Nguyen, Duyen Nguyen Chau My, 2021. Methane emission quantification from municipal waste landfills : models and computer software — a case study of Long An. Environmental Science and Pollution Research, no. 7, pp.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước 1–23, ISSN: 1614-7499, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 4.223, CiteScore: 5.50, H-Index: 113.

5. Long Bui Ta, Phong Hoang Nguyen, Duyen C.M. Nguyễn, 2022. A web based methane emissions modelling platform: Models and software development. Waste Management, 0956-053X - ISSN, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 7.145, CiteScore: 13.5, H-Index: 182, Volume 134, October 2021, Pages 120-135 2021.
6. Long Bui Ta, Diem L.T.H. Tran, 2022. Assessing marine environmental carrying capacity in semi-enclosed coastal areas — Models and related databases. Science of the Total Environment, ISSN:0048 – 9697, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 7.963, CiteScore: 14.1, H-Index: 275, 838 (2022) 156043, 2022.
7. Linh Bui Hong Nhat, Long Bui Ta, 2020. Modelling bank erosion dependence on natural and anthropogenic factors — case study of Ganh Hao estuary , Bac Lieu - Ca Mau. Environmental Technology & Innovation, vol. 19, p. 100975, ISSN:2352 – 1864, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 5.263, CiteScore: 4.5, H-Index:28.
8. Long Bui Ta, Phong Hoang Nguyen, Duyen Nguyen Chau My, 2020. Model for assessing health damage from air pollution in quarrying area – Case study at Tan Uyen quarry, Ho Chi Minh megapolis, Vietnam, Helyion, Vol. 6, no. 9, p. e05045, ISSN:2405-8440, ISI/Scopus, ESCI, Q1, IF: 2.85, CiteScore: 2.1, H-Index: 28.
9. Long Bui Ta, Hanh T.H. Pham, 2022. Coastal erosion trend analysis using a combination of remote sensing and hydrodynamic models: Case study of Ca Mau Cape, Mekong Delta. Remote Sensing Applications: Society and Environment. ISSN: 23529385, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 3.371, CiteScore: 5.0, H-Index: 27, Volume 26, April 2022, 100734, 2022.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tháng, năm công bố	Tập, số, trang
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Toán ứng dụng	Tham gia	3511/QĐ-ĐHBK ngày 16/12/2020	Đại học Quốc gia Tp. HCM Đại học Bách Khoa, Đại học học Quốc gia Tp. HCM	1575/QĐ – ĐHBK ngày 29/6/2021	Trang 1177, 1178, Tập 2
2	Chương trình đào tạo thạc sĩ và kỹ sư ngành kỹ thuật và quản lý tài nguyên môi trường	Tham gia hội đồng ngành	Quyết định 691/QĐ – ĐHBK – SDH ngày 22/4/2020	Đại học Bách Khoa, Đại học học Quốc gia Tp. HCM	Quyết định 1970/QĐ – ĐHBK ngày 14/9/2021 ban hành chương trình đào tạo thạc sĩ	Trang 1169, 1175, Tập 2

3	Chương trình thẩm định giáo trình	Chủ tịch	Quyết định 1690/QĐ – ĐHBK- BGT ngày 29/6/2015	Đại học Bách Khoa, Đại học học Quốc gia Tp. HCM	Sách đã đưa vào giảng dạy	Trang 1168, Tập 2
---	---	----------	---	--	------------------------------	----------------------

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất 3 CTKH chất lượng cao để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn chính 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

1/ Linh Bui Hong Nhat, Long Bui Ta, 2020. Modelling bank erosion dependence on natural and anthropogenic factors — case study of Ganh Hao estuary , Bac Lieu - Ca Mau. Environmental Technology & Innovation, vol. 19, p. 100975, ISSN:2352 – 1864, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 5.263, CiteScore: 4.5, H-Index:28.

2/ Long Bui Ta, Phong Hoang Nguyen, Duyen Nguyen Chau My, 2020. Model for assessing health damage from air pollution in quarrying area – Case study at Tan Uyen quarry, Ho Chi Minh megapolis, Vietnam, Helyion, Vol. 6, no. 9, p. e05045, ISSN:2405-8440, ISI/Scopus, ESCI, Q1, IF: 2.85, CiteScore: 2.1, H-Index: 28.

3/ Long Bui Ta, Hanh T.H. Pham, 2022. Coastal erosion trend analysis using a combination of remote sensing and hydrodynamic models: Case study of Ca Mau Cape, Mekong Delta. Remote Sensing Applications: Society and Environment. ISSN: 23529385, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 3.371, CiteScore: 5.0, H-Index: 27, Volume 26, April 2022, 100734, 2022.

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế  
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho  
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân  
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được  
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp  
luật.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2022*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  

---

**BÙI TÁ LONG**